

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2022/HNGĐ – ST**
Ngày: 04/4/2022
"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 2 năm 2022, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Di L, sinh năm: 1994

HKTT: Tổ dân phố Ph, TT D, Tp. Nh, tỉnh Khánh Hòa

Nơi cư trú: Số 19, M, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm: 1988

HKTT: Thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Di L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 54, ký ngày 10/7/2012. Vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn ngay sau khi chung sống với nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn kéo dài khiến tình cảm vợ chồng bị sút mẻ. Sau đó, chị phát hiện anh Đặng Ngọc T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác làm vợ chồng không thể hàn gắn được. Đến năm 2015 thì chị và anh Đặng Ngọc T sống ly thân cho đến nay. Nay vợ chồng đã hết tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Đặng Ngọc T có hai con chung tên là Đặng Nhã A, sinh ngày 18/12/2011 và Đặng Ngọc T1, sinh ngày 04/8/2014.

Từ lúc vợ chồng sống ly thân thì mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Nay giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Ngọc T1. Còn cháu Đặng Nhã A giao cho anh Đặng Ngọc T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Đặng Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Nguyễn Thị Di L. Anh xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và sống không hợp tính với nhau. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên không thể khắc phục được. Đến năm 2015 thì sau nhiều lần trao đổi anh và chị Nguyễn Thị Di L quyết định sống ly thân để xem xét lại tình cảm đôi bên. Việc ly thân kéo dài liên tục từ năm 2015 cho đến nay. Nay đôi bên đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại đoàn tụ nên anh thống nhất ly hôn với chị Nguyễn Thị Di L.

Về con chung: anh thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Di L về con chung. Từ lúc vợ chồng sống ly thân thì mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Nay giải quyết ly hôn, anh đồng ý tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Nhã A.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Di L (là nguyên đơn) và anh Đặng Ngọc T (là bị đơn) vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 54, ký ngày 10/7/2012. Lời khai của chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Di L: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Di L đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, đôi bên thường xuyên cãi vã. Anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Di L đều thừa nhận các bên không có sự quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2015 cho đến nay. Bên cạnh đó, anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Di L đều nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục và có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do

đó, căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Di L.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Nhã A, sinh ngày 18/12/2011 và Đặng Ngọc T1, sinh ngày 04/8/2014. Lời khai của chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T có nguyện vọng mỗi người nuôi dưỡng một cháu. Xét, cháu Đặng Nhã A và cháu Đặng Ngọc T1 còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, trông nom trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì chị Nguyễn Thị Di L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc T1, anh Đặng Ngọc T Linh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Nhã A. Hiện nay, anh Đặng Ngọc T và chị Nguyễn Thị Di L không có tranh chấp về vấn đề nuôi dưỡng con chung và thống nhất mỗi bên được tiếp tục nuôi dưỡng con chung như trong thời gian sống ly thân. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Đặng Nhã A và cháu Đặng Ngọc T1 theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Đặng Ngọc T1 cho chị Nguyễn Thị Di L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Nhã A cho anh Đặng Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L đều khai nhận anh chị không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L đều khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Di L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Di L và anh Đặng Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Ngọc T1, sinh ngày 04 tháng 8 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Di L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Đặng Nhã A, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2011 cho anh Đặng Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Đặng Ngọc T, chị Nguyễn Thị Di L không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Di L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000300 ký ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Công thông tin Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh